TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: **12**/2022/DS-ST
Ngày: 13-4-2022
V/v: "Tranh chấp thừa kế về tài sản; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Đúng.
2. Ông Ngô Đình Quốc.

- Thư ký phiên tòa: ông Dương Thiện Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021, về việc "Tranh chấp thừa kế về tài sản; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Khu phố PT, phường HHT, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Khu phố PT, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Uỷ ban nhân dân phường HHT, thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1960; nơi cư trú: Khu đô thị Hưng Phú, Phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1964; nơi cư trú: : Khu phố PT, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Thanh N1 (chết). *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Thanh N gồm:* ông Trần L, sinh năm 1963; chị Trần Bảo P1, sinh năm 1991; anh Trần Bảo P2, sinh năm 1993; chị Trần Thị Kiều N2, sinh năm 1997; cùng trú tại: Khu phố N, phường HV, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên.

Chị P1, chị Nha ủy quyền cho ông Trần L (Có mặt), anh P2 có đơn xin vắng mặt.

- Ông Nguyễn Trung T4, sinh năm 1971; nơi cư trú: Khu phố PT, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

- Ông Nguyễn Nhật T5, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Mỹ T6, sinh năm 1984; cùng trú tại: Khu phố PT, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Trung T1 trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Nguyễn Hữu P (chết năm 2010), cụ Đào Thị Đ (chết năm 1992) có 10 người con, chết 04 (01 lúc mang thai, 03 người người chưa lập gia đình), còn 06 người gồm: ông (Nguyễn Trung T1), ông Nguyễn Hữu T2, ông Nguyễn Hữu T3, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Thanh N1 (chết) có chồng là ông Trần L và con gồm anh Trần Bảo P2, chị Trần Bảo P1, chị Trần Thị Kiều N2 và ông Nguyễn Trung T4. Trước khi chết cha mẹ ông có để lại khối tài sản là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố PT, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc.

Năm 2015, 05 anh em của ông gồm: các ông Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Trung T4, Nguyễn Trung T1, bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị Kim C cùng thống nhất để cho ông Nguyễn Hữu T2 đại diện đi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được vì Văn phòng đăng ký đất đai yêu cầu làm văn bản thừa kế trong anh em gia đình.

Năm 2019, 06 anh chị em trong gia đình có thỏa thuận việc phân chia thửa đất của cha mẹ để lại nói trên. Vì phát hiện ông Nguyễn Hữu T2 cố tình lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 chỉ đứng tên một mình ông T2 mà không có sự đồng ý của các anh chị em trong gia đình, không phải đứng tên đại diện anh em trong gia đình và anh chị em trong gia đình không có sự thống nhất nên ông T1 yêu cầu Tòa án chia thừa kế thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 thành 06 phần bằng nhau đã được các anh em thỏa thuận bằng miệng vào khoảng năm 2016 và ông xin nhận bằng hiện vật. Đối với công sức chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ của 06 người con đều như nhau, nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Việc chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 (con Nguyễn Thị Kim C) vào năm 2018 - 2019 chỉ có 05 người gồm ông (Nguyễn Trung T1), ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Thanh N mà không có sự đồng ý của ông Nguyễn Hữu T3. Do đó, ngày 20/11/2019 anh chị em trong gia đình họp lại phân chia đất có đầy đủ 06 người. Việc mua bán đất cho Nguyễn Nhật T5, Nguyễn Thị Mỹ T6 là không đúng pháp luật vì quyền sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận, chưa phân chia rõ ràng và không có sự đồng ý của ông Nguyễn Hữu T3, ông xin trả lại phần tiền 300.000.000 đồng đã nhận từ ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu thì đề nghị Tòa xem xét theo quy định pháp luật và xem xét lỗi của các bên là ngang nhau, ông đồng ý bồi thường thiệt hại cho vợ chồng T5-T6 với số tiền thiệt hại 50.000.000 đồng hoặc được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng. Ông không yêu cầu giải quyết các tài sản khác trên đất, yêu cầu ai nhận tài sản, cây cối gắn liền với đất thì người đó được hưởng.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Hữu T2 trình bày: thống nhất nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cha mẹ để lại, ông cũng thống nhất chia tài sản thừa kế thành 06 phần và chia đều theo quy định pháp luật như các anh em trong gia đình đã thoả thuận. Về công sức chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ của 06 người con đều như nhau, nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết. Có việc thỏa thuận phân chia đất giữa các anh em trong gia đình như nguyên đơn đã trình bày nhưng không phải vào năm 2016 mà là vào khoảng năm 2013. Đối với phần diện tích 3mx39m phần của ông (Nguyễn Hữu T2) đã chuyển nhượng cho vợ chồng Nguyễn Nhật T5, Nguyễn Thị Mỹ T6 thì ông đồng ý chuyển nhượng lại theo giấy chuyển nhượng ngày 04/12/2018 và ngày 10/01/2019 và tiếp tục thực hiện hợp đồng đối với phần ông chuyển nhượng tương ứng bề ngang 3m. Nếu còn lại phần đất đủ điều kiện tách thửa thì ông xin nhận bằng hiện vật, trường hợp không đủ điều kiện tách thửa thì ông đề nghị Tòa án xem xét, ông đồng ý bồi thường cho anh T5, chị T6 theo quy định pháp luật. Ông không yêu cầu giải quyết các tài sản khác trên đất, ai nhận tài sản, cây cối gắn liền với đất thì người đó được hưởng.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:* bà (C) thống nhất về nguồn gốc đất và quá trình thoả thuận phân chia đất như ông Nguyễn Hữu T2 đã trình bày. Nếu chia thừa kế theo pháp luật thì bà xin nhận bằng hiện vật. Đối với phần diện tích 3mx39m phần của bà đã chuyển nhượng cho Nguyễn Nhật T5, Nguyễn Thị Mỹ T6 thì bà đồng ý chuyển nhượng lại theo giấy chuyển nhượng ngày 04/12/2018 và ngày 10/01/2019 và tiếp tục thực hiện hợp đồng đối với phần bà chuyển nhượng tương ứng bề ngang 3m. Nếu còn lại phần đất đủ điều kiện tách thửa thì bà xin nhận bằng hiện vật, trường hợp không đủ điều kiện tách thửa thì bà đề nghị Tòa án xem xét, bà đồng ý bồi thường cho anh T5, chị T6 theo quy định pháp luật. Nếu sau khi chia và bán mà còn đất thì bà tiếp tục xin nhận đất; đối với công sức chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ của 06 người con

đều như nhau, nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà không yêu cầu giải quyết các tài sản khác trên đất, ai nhận tài sản, cây cối gắn liền với đất thì người đó được hưởng.

- *Ông Trần L trình bày:* thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Trung T1. Đề nghị Tòa chia thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 thành 06 phần, các con tôi xin nhận bằng hiện vật cụ thể tại lô số 4, lô số 8 và lô số 13 căn cứ vào thỏa thuận miệng giữa vợ tôi với anh em trong gia đình vào khoảng năm 2014. Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà vợ ông đã nhận, ông và các con xin trả lại cho Nguyễn Nhật T5, Nguyễn Thị Mỹ T6. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu thì đề nghị Tòa xem xét theo quy định pháp luật và xem xét lỗi của các bên là ngang nhau, ông đồng ý bồi thường thiệt hại cho vợ chồng T5-T6 với số tiền thiệt hại 50.000.000 đồng hoặc được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng. Ông không yêu cầu giải quyết các tài sản khác trên đất, ai nhận tài sản, cây cối gắn liền với đất thì người đó được hưởng.

- *Ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 trình bày:* yêu cầu Tòa công nhận phần diện tích đất mà vợ chồng ông bà đã nhận chuyển nhượng theo giấy nhận cọc ngày 04/12/2018 và giấy chuyển nhượng ngày 10/01/2019 với giá là 3.000.000.000 đồng cho diện tích 15 mét ngang và 39 mét chiều sâu. Vì chỗ nội bộ gia đình, vợ chồng ông bà thương cậu, dì nên vợ chồng ông bà mới viết giấy tờ mua bán đất bằng tay. Các cậu, dì cùng nói cứ đưa tiền đi, sau này làm sổ đỏ xong sẽ chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông bà. Vợ chồng ông bà đã đưa trước 1.500.000.000 đồng, mỗi người (ông T2, bà C, ông T1, bà N, ông T4) nhận 300.000.000 đồng. Nay ông T1, ông L, ông T4 yêu cầu hợp đồng vô hiệu thì đề nghị Tòa án buộc các ông T1, ông T4, ông L và các con (chồng và các con bà N) mỗi người phải trả cho vợ chồng ông bà 300.000.000 đồng tiền gốc và bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông bà do hợp đồng đồng vô hiệu với số tiền 300.000.000 đồng/người vì từ khi các bên nhận tiền đến nay đã hơn 03 năm, trong đó lỗi để hợp đồng vô hiệu là do bên bán gây ra, ông bà hoàn toàn không có lỗi.

- *Ông Nguyễn Trung T4 trình bày:* ông (T4) thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Trung T1, ông Trần L. Đề nghị Tòa chia thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 thành 06 phần bằng nhau, ông xin nhận bằng hiện vật. Ông xin trả lại phần tiền đã nhận từ Nguyễn Nhật T5, Nguyễn Thị Mỹ T6 số tiền 300.000.000 đồng; ông đồng ý bồi thường thiệt hại cho vợ chồng T5-T6 với số tiền thiệt hại 50.000.000 đồng hoặc được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng. Đối với công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ của 06 người con đều như nhau, nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Ông không yêu cầu giải quyết các tài sản khác trên đất, ai nhận tài sản, cây cối gắn liền với đất thì người đó được hưởng.

- *Ông Nguyễn Hữu T3 trình bày:* ông (T3) thống nhất nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của cha mẹ để lại như các anh em đã trình bày. Ngày 20/11/2019, các anh em trong gia đình họp lại phân chia thửa đất số 16 nêu trên, mỗi người được hưởng 03 lô, trong đó mặt tiền giáp đường V chia làm 02

Mảnh gồm 12 lô, mỗi người 02 lô; Mảnh thứ 3 tính từ hàng rào dưới (cạnh phía Đông) tính lên chia thành 06 lô, mỗi người 01 lô và có con đường đi chung vào các ngôi mộ có bề rộng 2m. Nay các anh em tranh chấp thì ông yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, chia đều 06 phần bằng nhau, ông xin nhận hiện vật. Ông không yêu cầu giải quyết các tài sản khác trên đất, ai nhận cây cối gắn liền với đất thì người đó được hưởng.

- *Anh Trần Bảo P2 trình bày:* thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Trần L, thống nhất việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Trung T1 giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện, đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật và chấp nhận bồi thường cho anh T5, chị T6 số tiền 50.000.000 đồng vì hợp đồng vô hiệu.

Ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Kim C giữ nguyên lời trình bày, đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật và chấp nhận bồi thường cho anh T5, chị T6 theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Trung T4, ông Trần L xin giữ nguyên lời trình bày, đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật và chấp nhận bồi thường cho anh T5, chị T6 số tiền 50.000.000 đồng vì hợp đồng vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T6, ông Nguyễn Nhật T5 giữ nguyên lời trình bày, đề nghị công nhận hợp đồng, nếu hợp đồng vô hiệu thì buộc bên bán mỗi người phải bồi thường 300.000.000 đồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế theo pháp luật; không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ T6, ông Nguyễn Nhật T5, tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu. Các đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự; Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Trung T1 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ của ông là cụ Nguyễn Hữu P, cụ Đào Thị Đ để lại; ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 có yêu cầu độc lập khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; bà N chết không để lại di chúc nên ông Trần L và các con chị Trần Bảo P1, anh Trần Bảo P2, chị Trần Thị Kiều N2 là người thừa kế theo Điều 651 Bộ luật Dân sự, tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; do đó, căn cứ khoản 3, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp thừa kế về tài sản, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Ông Nguyễn Hữu T3, anh Trần Bảo P2 có đơn xin xét xử vắng mặt, Uỷ ban nhân dân phường HHT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: nguyên đơn ông Nguyễn Trung T1 yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại khu phố PT, phường HHT, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 yêu cầu Tòa công nhận phần diện tích đất của thửa đất số 16 mà vợ chồng ông T5 bà T6 đã nhận chuyển nhượng theo giấy nhận cọc ngày 04/12/2018 và giấy chuyển nhượng ngày 10/01/2019.

[3] Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.209,4m^2 có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Hữu P, cụ Đào Thị Đ, được tất cả các đương sự thừa nhận, là phần diện tích còn lại sau khi bị thu hồi đất vào năm 2010, là phù hợp theo Biên bản kiểm tra hiện trạng và thẩm tra, xác minh về nguồn gốc đất lập ngày 04/4/2017 do ông Nguyễn Hữu T2 đại diện đứng tên trong hồ sơ địa chính khi xin thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015 và phù hợp theo Biên bản xác minh ngày 23/4/2021 do Uỷ ban nhân dân phường HHT cung cấp. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Cụ Nguyễn Hữu P chết năm 2010, cụ Đào Thị Đ chết năm 1992; hai cụ chết không để lại di chúc. Do đó, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14, diện tích khoảng 2.209,4m^2, tọa lạc tại khu phố PT, phường HHT, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên là di sản của cụ P, cụ Đ để lại.

[5] Về diện hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Hữu P, cụ Đào Thị Đ: Các đương sự thống nhất cụ P, cụ Đ có 10 người con, chết 04 người (chết trước cụ P, cụ Đ, lúc còn nhỏ chưa có gia đình riêng), còn 06 người gồm: Nguyễn Trung T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Thanh N (chết năm 2020), Nguyễn Trung T4. Nên diện hưởng thừa kế của cụ P, cụ Đ được chia làm 06 kỉ phần cho 06 người gồm: Nguyễn Trung T1, Nguyễn Hữu

T2, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Thanh N (do ông Trần L và các con thừa kế), Nguyễn Trung T4.

[6] Về khối di sản thừa kế: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, diện hàng thừa kế của cụ P, cụ Đ xác định và yêu cầu Tòa án chia khối di sản của cụ P, cụ Đ là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 trừ đi phần diện tích mộ và con đường vào mộ có bề rộng 2m như các ông bà đã thoả thuận trước đây. Như vậy, diện tích còn lại sau khi trừ phần mộ và đường vào mộ là 2.053m^2 (2.209,4m^2 – 156,4 m2), gồm 250m^2 đất ở (15.000.000đ/m^2) có giá trị 3.750.000.000 đồng và 1.083m^2 đất HNK (40.000đ/m^2) có giá trị 72.120.000 đồng, tổng giá trị thửa đất là 3.822.120.000 đồng.

[7] Về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí mai táng cụ P, cụ Đ: diện hàng thừa kế của cụ P, cụ Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với công sức chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí mai táng cho cụ P, cụ Đ và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với vấn đề này; nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét tính công sức chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí mai táng cụ P, cụ Đ cho các đương sự.

[8] Các đương sự cùng thống nhất không giải quyết các tài sản trên đất, cây cối gắn liền với đất, chia ai người đó được hưởng. Do đó, di sản của hai cụ P-Đ theo yêu cầu chia của các đương sự có giá 3.822.120.000 đồng, được chia làm 06 kỉ phần cho các ông Nguyễn Trung T1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Trung T4, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Thanh N (do ông Trần L, anh Trần Bảo Pháp, chị Trần Bảo P1, chị Trần Thị Kiều N2 nhận thừa kế), mỗi kỉ phần được nhận thừa kế trị có giá trị 637.020.000 đồng.

[9] Ông Nguyễn Hữu T2, ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Trung T4, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Thanh N1 tự thỏa thuận chuyển nhượng một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14 cho vợ chồng ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 với diện tích 585m^2 (chiều ngang 15m, chiều rộng 39m) với giá 3.000.000.000 đồng theo giấy nhận cọc ngày 04/12/2018 và giấy chuyển nhượng ngày 10/01/2019.

[10] Giấy nhận cọc ngày 04/12/2018 và giấy chuyển nhượng ngày 10/01/2019 các bên thỏa thuận tương ứng phần của ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Hữu T2, ông Nguyễn Trung T4, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Thanh N mỗi người 3m, tổng cộng chiều ngang 15m tính từ điểm toạ độ 13 của Bản vẽ hiện trạng ngày 29/4/2021, trong khi quyền sử dụng đất của cụ P-Đ để lại các diện hàng thừa kế của cụ P, cụ Đ chưa có sự thống nhất phân chia, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có sự đồng ý của ông Nguyễn Hữu T3 là vi phạm các Điều 218, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự và Điều 188 Luật đất đai. Hơn nữa, việc thoả thuận chuyển nhượng giữa các đương sự không thể hiện đất ở là bao nhiêu, đất hàng năm khác là bao nhiêu.

[11] Ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Trung T4, ông Trần L không đồng ý, cho rằng việc thỏa thuận là vô hiệu vì chưa có sự thống nhất phân chia, chưa

có sự đồng ý của ông Nguyễn Hữu T3; đồng thời ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Kim C chỉ đồng ý chuyển nhượng lại tương ứng với phần của mình là 3mx39m là không đủ điều kiện tách thửa, xác lập thửa theo quy định pháp luật. Nên yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T5, bà T6 là không có cơ sở để Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung T1, không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[13] Căn cứ vào ý kiến của các đương sự yêu cầu nhận thừa kế bằng hiện vật như đã thoả thuận vào các năm 2013, 2016 và 2019; không yêu cầu giải quyết các tài sản trên đất là các cây dương, điều (đào) có trên đất, tường rào móng đá, trụ bê tông và dây thép gai bao quanh, chia cho ai thì người đó được hưởng; Bản vẽ ngày 29/4/2021; Công văn số 713/QLĐT ngày 20/12/2021 của Phòng Quản lý đô thị thị xã Đông Hoà; Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của cụ P, cụ Đ thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.053m^2, toạ lạc tại khu phố PT, phường Hoà Hiệp Trung, thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên như sau (kèm theo Bản vẽ trích đo chỉnh lý hiện trạng địa chính khu đất diện tích đo chia có sự sai số 0,3m^2 so với bản vẽ hiện trạng được cho phép vì quy đổi làm tròn):

- Giao chia cho ông Nguyễn Hữu T2 được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 1, diện tích 221,4m^2 (45m^2 đất ở có giá trị 675.000.000 đồng và 176,4m^2 đất hàng năm khác có giá trị 7.056.000 đồng) và lô đất số 12, diện tích 98m^2 đất hàng năm khác có giá trị 3.920.000 đồng; tổng diện tích đất được nhận lô số 1 và lô số 12 là 319,4m^2, có tổng giá trị 685.976.000 đồng. Ông T2 có trách nhiệm thối lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế nhận giá trị ít hơn số tiền là 48.956.000 đồng (685.976.000 – 637.020.000).

- Giao chia cho ông Nguyễn Trung T1 được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 2, diện tích 211,1m^2 (45m^2 đất ở có giá trị 675.000.000 đồng và 166,1m^2 đất hàng năm khác có giá trị 6.644.000 đồng) và lô đất số 10, diện tích 91,7m^2 đất hàng năm khác có giá trị 3.668.000 đồng, tổng diện tích đất được nhận lô số 2 và lô số 10 là 302,8m^2, có tổng giá trị 685.312.000 đồng. Ông T1 có trách nhiệm thối lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế nhận giá trị ít hơn số tiền là 48.292.000 đồng (685.312.000 – 637.020.000).

- Giao chia cho ông Nguyễn Hữu T3 được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 3, diện tích 199,7m^2 (40m^2 đất ở có giá trị 600.000.000 đồng, 159,7m^2 đất hàng năm khác có giá trị 6.388.000 đồng) và lô đất số 9, diện tích 93,5m^2 đất hàng năm khác có giá trị 3.740.000 đồng, tổng diện tích đất được nhận lô số 3 và lô số 9 là 293,2m^2, có tổng giá trị 610.128.000 đồng, nên được nhận thêm số tiền chênh lệch là 26.892.000 đồng (637.020.000 – 610.128.000).

- Giao chia cho ông Trần L và con gồm Trần Bảo Pháp, Trần Bảo P1, Trần Thị Kiều Nha (là người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Thanh N) được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 4, diện tích 166,8m^2 (40m^2 đất ở 600.000.000 đồng, 126,8m^2 đất hàng năm khác có giá trị 5.072.000

đồng); lô đất số 8, diện tích 90,6m^2 đất hàng năm khác có giá trị 3.624.000 đồng và lô đất số 13, diện tích 157,3m^2 đất hàng năm khác có giá trị 6.292.000 đồng, tổng diện tích đất được nhận lô số 4, lô số 8 và lô số 13 là 414,7m^2, có tổng giá trị 614.988.000 đồng, nên được nhận thêm số tiền chênh lệch là 22.032.000 đồng.

- Giao chia cho bà Nguyễn Thị Kim C được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 5, diện tích 149,3m^2 (40m^2 đất ở có giá trị 600.000.000 đồng, 109,3m^2 đất hàng năm khác có giá trị 4.372.000 đồng); lô đất số 11, diện tích 98,5m^2 đất hàng năm khác có giá trị 3.940.000 đồng và lô đất số 14, diện tích 159,3m^2 đất hàng năm khác có giá trị 6.372.000 đồng, tổng diện tích được nhận lô số 5, lô số 11 và lô số 14 là 407,1m^2, có tổng giá trị 614.684.000 đồng, nên được nhận thêm số tiền chênh lệch là 22.336.000 đồng.

- Giao chia cho ông Nguyễn Trung T4 được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 6, diện tích 225,6m^2 (40m^2 đất ở có giá trị 600.000.000 đồng, 185,6m^2 đất hàng năm khác có giá trị 7.424.000 đồng) và lô đất số 7, diện tích 89,9m^2 đất hàng năm khác có giá trị 3.596.000 đồng, tổng diện tích đất được nhận tại lô số 6, lô số 7 là 315,5m^2, có tổng giá trị 611.020.000 đồng, nên được nhận thêm số tiền chênh lệch là 26.000.000 đồng.

[12] Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Bên chuyển nhượng (Ông Nguyễn Hữu T2, ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Trung T4, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Thanh N1) và bên nhận chuyển nhượng (ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6) đều biết rõ quyền sử dụng đất các bên thỏa thuận là của cụ P, cụ Đ chưa phân chia thừa kế, chưa được cấp giấy chứng nhận, không hỏi ý kiến của ông Nguyễn Hữu T3 dù rằng các bên có quan hệ gia đình với nhau nên các bên cùng có lỗi ngang nhau trong việc để hợp đồng vô hiệu.

[13] Việc thoả thuận chuyển nhượng ngày 10/01/2019 sau khi các bên ký giấy nhận cọc ngày 04/12/2018 được xem sự thoả thuận thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên nên khoản tiền 1.500.000.000 đồng được xem là khoản tiền thanh toán trước để thực hiện hợp đồng.

[14] Các bên thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất 585m^2 với giá 3.000.000.000 đồng, không thỏa thuận loại đất (đất ở hay đất hàng năm khác) chuyển nhượng là bao nhiêu, trong khi tổng diện tích đất 2.053m^2 (gồm 250m^2 đất ở và 1.083m^2 đất HNK) có giá 3.822.120.000 đồng (bao gồm cả kỉ phần của ông Nguyễn Hữu T3), nên Hội đồng xét xử không thể căn cứ theo giá trị chênh lệch để giải quyết hậu quả do hợp đồng vô hiệu trong trường hợp này.

[15] Ông T5, bà T6 yêu cầu phải bồi thường thiệt hại bằng số tiền đã thanh toán trước, tương ứng mỗi người phải bồi thường 300.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tại liệu, chứng cứ chứng minh cho thiệt hại của mình; các ông Nguyễn Trung T1, Nguyễn Trung T4, ông Trần L tự nguyện bồi thường 50.000.000 đồng hoặc yêu cầu xác định thiệt hại bằng số tiền lãi suất gửi tiết kiệm ngân hàng.

[16] Theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm của Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố từ năm 2019 đến tháng 4/2022 thì mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 36 tháng từ mức 5,3% đến 5,6%/năm (tương ứng lãi suất tiền vay cho khách hàng cá nhân kinh doanh từ 8,8 đến 9,1%/năm) tương ứng số tiền thiệt hại nếu xác định theo lãi suất tiền gửi ngân là 54.600.000 đồng cho 300.000.000 đồng tiền gửi từ năm 2019 đến tháng 4/2022 ((300.000.000 đồng x 5,6%/năm x 3 năm 04 tháng 12 ngày), mỗi bên phải chịu thiệt hại 27.300.000 đồng (54.600.000 : 2), là thấp hơn mức bồi thường 50.000.000 đồng mà các ông T1, T4, L tự nguyện đưa ra tại phiên toà để bồi thường cho ông T5, bà T6. Việc xác định số tiền thiệt hại do hợp đồng vô hiệu của ông T1, ông T4, ông L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên ghi nhận. Ông T2, bà C phải bồi thường cho ông T5, bà T6 số tiền thiệt hại 27.300.000 đồng.

[17] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: 9.000.000 đồng. Các đương sự nhận thừa kế cùng phải chịu theo quy định, ông Nguyễn Trung T1 đã nộp đủ, nên các ông Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Trung T4, ông Trần L (đại diện cho những người thừa kế của bà N), bà Nguyễn Thị Kim C mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Trung T1 số tiền 1.500.000 đồng.

[18] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 3 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Các đương sự nhận kỉ phần thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thừa kế mình được nhận là 29.480.800 đồng (20.000.000đ + (237.020.000 x 4%)).

Các ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Trung T4, ông Trần L (đại diện cho những người thừa kế của bà N) phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ tài sản phải trả lại 300.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại 50.000.000 đồng cho cho ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6, tương ứng số tiền án phí là 17.500.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ tài sản phải trả lại 300.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại 27.300.000 đồng cho cho ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6, tương ứng số tiền án phí là 16.365.000 đồng.

Ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu công nhận hợp đồng không được chấp nhận, được khấu trừ 46.000.000 đồng nên hoàn lại cho ông T5, bà T6 số tiền 45.700.000 đồng.

Miễn tiền án phí cho ông Nguyễn Hữu T3, ông Nguyễn Hữu T2 vì thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 166, 167 và 170, 188 Luật Đất đai; các Điều 122, 129, 131, 218, 407, 408, 500, 501, 502, 503, 649, 651, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 3 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Nguyễn Trung T1 vì có căn cứ; không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 về yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì không có căn cứ.

1. Công nhận thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 2.053m^2 (gồm 250m^2 đất ở và 1.083m^2 đất HNK), tọa lạc tại khu phố PT, phường HHT, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên sau khi trừ phần diện tích mộ và con đường vào mộ (có bản vẽ kèm theo), có giá 3.822.120.000 đồng là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu P, cụ Đào Thị Đ.

2. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu P, cụ Đào Thị Đ được chia làm 06 kỉ phần bằng nhau. Ông Nguyễn Hữu T2, ông Nguyễn Hữu T3, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Thanh N (do ông Trần L và con gồm Trần Bảo Pháp, Trần Bảo P1, Trần Thị Kiều Nha nhận thừa kế), ông Nguyễn Trung T4, ông Nguyễn Trung T1 mỗi người được chia một kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Hữu P, cụ Đào Thị Đ trị giá 637.020.000 đồng, cụ thể *(kèm theo sơ đồ bản vẽ hiện trạng và bản vẽ phân chia)*:

2.1. Giao chia cho ông Nguyễn Hữu T2 được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 1, diện tích 221,4m^2 (45m^2 đất ở và 181,4m^2 đất hàng năm khác) và lô đất số 12, diện tích 98m^2 đất hàng năm khác, tổng diện tích 319,4m^2, có tổng giá trị 685.976.000đ *(Sáu trăm tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)*. Ông Nguyễn Hữu T2 có trách nhiệm thối lại giá trị chênh lệch cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 22.336.000đ *(Hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng)*, thối lại giá trị chênh lệch cho ông Trần L và con gồm Trần Bảo Pháp, Trần Bảo P1, Trần Thị Kiều Nha số tiền 22.032.000đ *(Hai mươi hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng)*, thối lại giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Trung T4 số tiền 4.588.000đ *(Bốn triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng)*.

2.2. Giao chia cho ông Nguyễn Trung T1 được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 2, diện tích 211,1m^2 (45m^2 đất ở và 171,1m^2 đất hàng năm khác) và lô đất số 10, diện tích 91,7m^2 đất hàng năm khác, tổng diện tích 302,8m^2, có tổng giá trị 685.312.000đ *(Sáu trăm tám mươi lăm triệu ba trăm mười hai nghìn đồng)*. Ông Nguyễn Trung T1 có trách nhiệm thối lại giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Hữu T3 số tiền 26.892.000đ *(Hai mươi sáu triệu tám trăm chín mươi hai nghìn đồng)* và ông Nguyễn Trung T4 số tiền 21.412.000đ *(Hai mươi mốt triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng)*.

2.3. Giao chia cho ông Nguyễn Hữu T3 được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 3, diện tích 199,7m^2 (40m^2 đất ở, 159,7m^2 đất hàng năm khác) và lô đất số 9, diện tích 93,5m^2 đất hàng năm khác, tổng diện tích 293,2m^2, có tổng giá trị 610.128.000đ *(Sáu trăm mười triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng)*.

2.4. Giao chia cho ông Trần L và con gồm Trần Bảo Pháp, Trần Bảo P1, Trần Thị Kiều Nha (là người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Thanh N) được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 4, diện tích 166,8m^2 (40m^2 đất ở, 126,8m^2 đất hàng năm khác); lô đất số 8, diện tích 90,6m^2, đất hàng năm khác và lô đất số 13, diện tích 157,3m^2 đất hàng năm khác, tổng diện tích 414,7m^2, có tổng giá trị 614.988.00đ *(Sáu trăm mười bốn triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng)*.

2.5. Giao chia cho bà Nguyễn Thị Kim C được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 5, diện tích 149,3m^2 (40m^2 đất ở, 109,3m^2 đất hàng năm khác); lô đất số 11, diện tích 98,5m^2, đất hàng năm khác và lô đất số 14, diện tích 159,3m^2 đất hàng năm khác, tổng diện tích 407,1m^2, có tổng giá trị 614.684.000đ *(Sáu trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng)*.

2.6. Giao chia cho ông Nguyễn Trung T4 được nhận phần diện tích đất tại vị trí lô đất số 6, diện tích 225,6m^2 (40m^2 đất ở, 185,6m^2 đất hàng năm khác) và lô đất số 7, diện tích 89,9m^2 đất hàng năm khác, tổng diện tích 315,5m^2, có tổng giá trị 611.020.000đ *(Sáu trăm mười một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)*.

3. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Các tài sản khác gắn liền với đất gồm tường rào xây gạch, móng đá, tường rào gai kẽm, trụ bê tông và các cây cối không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

5. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy nhận cọc ngày 04/12/2018 và giấy chuyển nhượng ngày 10/01/2019 giữa ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Hữu T2, ông Nguyễn Trung T4, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Thanh N với ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 là vô hiệu.

5.1. Buộc ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Trung T4 và những người thừa kế của bà N (gồm ông Trần L, chị Trần Bảo P1, anh Trần Bảo Pháp, chị Trần Thị Kiều Nha) phải hoàn trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6. Và ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Trung T4, ông Trần L (đại diện những người thừa kế của bà N) bồi thường thiệt hại 50.000.000 đồng cho ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6. Nên ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Trung T4 và những người thừa kế của bà N (do ông Trần L đại diện) mỗi người phải trả 350.000.000đ *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)* cho ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6.

5.2. Buộc ông Nguyễn Hữu T2, bà Nguyễn Thị Kim C phải hoàn trả lại số tiền 300.000.000đ và tiền bồi thường do hợp đồng vô hiệu 27.300.000đ, tổng cộng 327.300.000đ *(Ba trăm hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng)* cho ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: các ông Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Trung T4, ông Trần L (đại diện cho những người thừa kế của bà N), bà Nguyễn Thị Kim C mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Trung T1 số tiền 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành xong.

8. Về án phí:

8.1. Miễn tiền án phí cho ông Nguyễn Hữu T3, ông Nguyễn Hữu T2

8.2. Ông Nguyễn Trung T1, Nguyễn Trung T4, ông Trần L (đại diện cho những người thừa kế của bà N) phải chịu 29.480.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp di sản thừa kế và 17.500.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ về tài sản và bồi thường hợp do đồng vô hiệu, tổng cộng mỗi người phải chịu số tiền 46.580.800đ (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng)*. Ông Nguyễn Trung T1 đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003875 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hoà, nên ông T1 còn phải nộp 46.280.800đ *(Bốn mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng)*.

8.3. Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 29.480.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp di sản thừa kế và 16.365.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ về tài sản và bồi thường hợp do đồng vô hiệu, tổng cộng phải chịu số tiền 45.845.800đ *(Bốn mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm đồng)*.

8.4. Ông Nguyễn Nhật T5, bà Nguyễn Thị Mỹ T6 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu công nhận hợp đồng không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 46.000.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001544 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hoà, nên hoàn lại cho ông T5, bà T6 số tiền 45.700.000đ *(Bốn mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

9. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã, Tỉnh;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Duyên